

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HC-ST
Ngày: 17 tháng 6 năm 2022
*“V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực đất đai”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Quang Bằng

Bà Đỗ Thị Kim Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V tham gia phiên tòa: Ông Vũ Thành Vinh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2019/TLST-HC ngày 28 tháng 6 năm 2019 về khởi kiện quyết định hành chính. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HC ngày 28 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Phan Trung P, sinh năm 1963; địa chỉ: Khu tái định cư N, thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh V, (có mặt).

2. *Người bị kiện:* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V; địa chỉ: Số 38 đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Chí G - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V (Văn bản ủy quyền số 2808/UBND-TD5 ngày 04 tháng 5 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V), (vắng mặt).

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Ủy ban nhân dân tỉnh V; địa chỉ: Số 38 đường N, phường Đ, thành phố V, tỉnh V.

Người đại diện: Ông Hạ Khải H - Phó Trưởng Ban tiếp công dân tỉnh thuộc Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Theo Văn bản ủy quyền số 3946/UBND-TD2 ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh V), (có mặt).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh V; địa chỉ: Thị trấn H, huyện T, tỉnh V

Người đại diện hợp pháp: Ông Phùng Mạnh T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, (vắng mặt).

- Ủy ban nhân dân huyện T; địa chỉ: Thị trấn H, huyện T, tỉnh V

Người đại diện hợp pháp: Ông Phùng Mạnh T - Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh Th - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (Theo Văn bản ủy quyền số 2831/UBND-TP ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân huyện T); vắng mặt.

- Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1952; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh V, (vắng mặt).

- Anh Phan Văn K, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh V (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, ông Phan Trung P khai như sau:

Gia đình ông làm nhà trên diện tích đất 535m² ở xứ đồng B, thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh V là đất ông cha từ năm 1990, Nhà nước có thu thuế nhà đất, ông đã nộp cho Tòa án biên lai thu thuế nhà đất năm 1998, 1999; sổ bán hàng và xác nhận của Trưởng thôn; Biên bản kiểm kê tài sản trên đất ngày 17/02/2012 ngoài ra không có giấy tờ gì khác.

Năm 2012 thì 535m² đất ở của gia đình ông nằm trong chỉ giới xin thu hồi xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T thu hồi 58,8m² đất nuôi trồng thủy sản “ký hiệu TSN”, UBND xã Đ trả 100m² đất tại khu tái định cư, khu N, thôn Bắc 1, diện tích còn lại là 376,2m² Nhà nước chưa giao trả gia đình ông tại khu tái định cư.

Tháng 3 năm 2014 ông làm đơn kiến nghị đến UBND xã Đ, UBND huyện T, UBND tỉnh V và các sở ban ngành đề đòi lại diện tích 376,2 m² đất. Sau khi ông kiến nghị, ông không nhận được các văn bản, quyết định nào của Ủy ban nhân dân xã Đ, UBND huyện T, UBND tỉnh V và các sở ban ngành trả lời. Ngày 25/10/2017 ông nhận được quyết định số 2759/QĐ/UBND ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh V về việc giải quyết đơn của ông Phan Trung P; ngày 27/10/2017 ông tố cáo ông Vũ Chí Giang - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định trái pháp luật; ngày 18/6/2018 ông nhận được văn bản số 4374 của UBND V hướng dẫn ông làm đơn ra Tòa án giải quyết.

Ngày 20/6/2018 ông làm đơn khởi kiện ông Vũ Chí G - Phó Chủ tịch UBND tỉnh V đến Tòa án nhân dân (TAND) tỉnh V, khoảng gần bốn tháng sau ông nhận được thông báo trả lại đơn khởi kiện và toàn bộ đơn khởi kiện của ông đã nộp tại TAND V, lý do ông không rõ. Sau đó ông gửi tiếp đơn đến Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V, Công an tỉnh V và UBND V nhưng không thấy trả lời. Ngày 20/01/2019 ông viết đơn kiến nghị gửi đến Chủ tịch UBND tỉnh V và Văn phòng Chính phủ. Ngày 26/4/2019 ông nhận được đơn thư của Văn phòng chính

phủ gửi UBND tỉnh V nội dung giải quyết vụ việc của ông. Ngày 29/5/2019 tại phòng tiếp dân của UBND tỉnh V, bà Hoàng Thị T hướng dẫn ông làm đơn gửi đến TAND tỉnh V.

Ngày 31/5/2019 ông viết đơn khởi kiện Chủ tịch UBND tỉnh V, yêu cầu Tòa án “Hủy Quyết định số 2759/QĐ/UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh V và trả lại ông diện tích còn thiếu là 376,2m² đất”.

Lý do ông không đồng ý với Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh V vì quyết định này sai và trái với hiến pháp pháp luật của Nhà nước, bởi lẽ:

Về nguồn gốc đất: Năm 1989 ông khai Hoang và bắt đầu sử dụng các thửa đất, một phần thửa đất số 307, 399, 400, 401 và 402, tại xứ Đồng B, xã Đ, huyện T, tỉnh V để làm nhà ở và công trình chăn nuôi với diện tích 535m², quá trình sử dụng ông sử dụng ổn định, không tranh chấp, đôi chác với ai và nộp tiền thuế đất đầy đủ.

Năm 2012 diện tích 535m² đất nằm trong chỉ giới thu hồi xây dựng đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai. UBND huyện T đã thu hồi 58,8m² đất nuôi trồng thủy sản; UBND xã Đ đã trả 100 m² đất tại khu tái định cư thôn Bắc 1; diện tích còn lại là 376,2m² đất ông đề nghị Nhà nước cấp trả cho gia đình ông khu đất tái định cư khác.

Theo bản đồ địa chính xin thu hồi và giao đất dự án đường cao tốc Nội Bài Lào Cai đoạn từ km 33 + 849 đến km 35 + 160 thuộc địa phận xã Đ huyện T tỉnh V hộ ông Phan Trung P có 5 ô đất. UBND huyện T đã thu hồi 01 ô, UBND xã Đ đã trả một ô đất thuộc khu tái định cư N, thôn Bắc 1, xã Đ còn ba ô đất nữa Chủ tịch UBND huyện T, Chủ tịch UBND xã Đ chuyển đến chỗ nào, ở đâu, hay vẫn ở chỗ cũ xứ Đồng B thôn Đ ông không biết.

Căn cứ khoản 2 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định về bổ sung việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai thì: *“đất do lấn, chiếm và đất được giao, được cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 01/7/2004 trở về sau thì người có hành vi lấn, chiếm hoặc được giao đất, thuê đất không đúng thẩm quyền không được bồi thường về đất khi thu hồi đất”*.

Như vậy hộ gia đình ông không nằm trong khoản 2 điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ vì ông đã ở trên đất từ trước năm 1990 cho đến năm 2014 nên diện tích 376,2 m² đất vẫn thuộc của gia đình ông.

Khi khởi kiện ông yêu cầu Tòa án “Hủy Quyết định số 2759/QĐ/UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh V và trả lại ông diện tích còn thiếu là 376,2m² đất”. Nay ông chỉ yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh V, không có yêu cầu nào khác. Nếu Tòa án chấp nhận đơn khởi kiện của ông thì ông sẽ yêu cầu UBND tỉnh V trả lại gia đình ông 376,2 m² đất tại khu tái định cư hay chỗ cũ tại xứ Đồng B.

Về quan hệ của ông với bà Hoàng Thị H: Trong Quyết định có nhắc tới bà Hoàng Thị H nhưng ông khẳng định không có quan hệ gì với bà H, ông không đòi đất ruộng cho bà H.

Còn quan hệ của ông với bà Lê Thị KH thì ông và bà KH K hôn với nhau khoảng năm 1983, sau khi kết hôn ông và bà KH ở xứ Đồng B và sinh 04 con ở tại đất này (đất của ông cha để lại). Năm 1999 bà KH bỏ ông và 4 đứa con đi lấy chồng, đến năm 2000 ông làm đơn ly hôn gửi tại TAND huyện T và được TAND huyện T giải quyết cho ly hôn; ông đã lấy trích lục.

Năm 2002 ông K hôn với bà Hoàng Thị Hoàn (Gái), ông và bà Hoàn vẫn ở trên đất xứ Đồng B. Năm 2008 bà KH về đòi đất ruộng, ông và bà KH đã thỏa thuận phân ruộng đất của ai thì người đó sử dụng. Phần đất ruộng của bà KH ông đã trả đầy đủ, tại xứ đồng Cầu Mưa (360m²) và Đồng B (ông không biết bao nhiêu) còn đất ruộng của ông ở Cầu Đè. Về đất thổ cư: Vợ chồng ông không có, bà KH khởi kiện tại TAND huyện T đòi chia đất thổ cư của mẹ ông là cụ Lê Thị H, ông không đồng ý đã kháng cáo lên TAND tỉnh V giải quyết, sau đó bà KH đã rút đơn khởi kiện. Toàn bộ phần đất ruộng đã trình bày ở trên không liên quan đến diện tích 376,2 m² đất ông đang khởi kiện. (Ông không cung cấp cho Tòa án bản án của Tòa án được và ông cũng không đề nghị Tòa án thu thập tài liệu chứng cứ).

Tại Biên bản ghi lời khai bổ sung ngày 17 tháng 8 năm 2020; ngày 26 tháng 10 năm 2020 ông P khai bổ sung như sau:

Chứng cứ để ông khẳng định 535m² đất gia đình ông bị Nhà nước thu hồi là đất thổ cư của gia đình ông là căn cứ vào Bản đồ địa chính xin thu hồi và giao đất dự án đường Cao tốc Nội Bài – Lào Cai đoạn từ km 33+849, km 35+160 thuộc xã Đ, huyện T tỉnh V do Trung tâm đo đạc và bản đồ tỉnh V đo vẽ tháng 4 năm 2008 thì diện tích đất nhà ông thể hiện rất rõ là đất ở nông thôn (ONT) tại thửa 399 = 120m², các thửa 307, 400, 401 cũng là đất ở nông thôn nhưng trong bản đồ không ghi (ONT).

Ông bị Nhà nước thu hồi 02 lần, lần 1 vào năm 2001 được đền bù gần 2 triệu đất ở nông thôn để làm đường 310, ông không nhớ thu hồi bao nhiêu đất. Theo tài liệu Tòa án cho xem thể hiện diện tích đất bị thu hồi là 51m² ông nhận đền bù 716.040đ về đất và hỗ trợ H màu khác, tổng số 1.025.44đ. Quyết định của Nhà nước như thế nào ông không biết (ông cũng không biết Quyết định 502/2001), theo ông đây là đất ở nông thôn. Lần 2 vào năm 2010 Công ty TNHH Hải Hòa đã bồi thường cho ông được hơn 10 triệu về dự án nâng cấp đường 310 thành đường tỉnh lộ 309.

Năm 2005 Nhà nước có dự án quy hoạch đất giãn dân tại Đồng B, đất này nằm sát đất nhà ông nhưng ông không biết Nhà nước có Quyết định thu hồi đất của nhà ông hay không nhưng ông không được đền bù gì. Đến năm 2007 Nhà nước có chỉ thị của Chính phủ - Chủ tịch UBNDTTQ Việt Nam để hỗ trợ gia đình

ông sửa chữa lại nhà cấp 4 chiều dài 8,3m², rộng 4,2m², gia đình ông được hỗ trợ 500.000đ.

Năm 2008 dự án đường Cao tốc Nội Bài – Lào Cai gia đình ông không bị thu hồi đất và cũng không được hỗ trợ gì. Ông không biết Quyết định 3967/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 của UBND huyện T (Về thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân để lập phương án bồi thường).

Theo Bản án số 12/2005/LH-ST ngày 23 tháng 5 năm 2005 thì khi ly hôn với bà Lê Thị KH Tòa án có tạm giao cho ông 01 ngôi nhà 04 gian và 02 gian bếp đều xây gạch, lợp ngói, 01 giếng nước xây, 01 sân gạch 40m² trên diện tích đất thổ cư 474m². Ngôi nhà và thửa đất này không liên quan đến đất ông bị thu hồi tại Đồng B. Đất này là của mẹ ông là cụ Lê Thị H (đã chết 2014), hiện nay hai con của ông đang ở vì cụ H cho hai cháu, còn ông đang ở khu tái định cư (khu N, xã Đ) trên diện tích đất Nhà nước cấp trả, đã xây nhà kiên cố. Ngoài ra ông đang sử dụng 376,2m² đất nhưng chưa được Nhà nước giao diện tích đất này vì Nhà nước chưa thu hồi đất thổ cư ở Đồng B đối với gia đình ông.

Bà Lê Thị KH vợ cũ của ông đã chết 2015.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 26 tháng 10 năm 2020 ông P khai bổ sung như sau:

Khi thực hiện dự án Cao tốc Nội Bài – Lào Cai Nhà nước có Quyết định thu hồi 58,8m² đất nuôi trồng thủy sản của gia đình ông nằm trong diện tích 535 m² (Nhà nước ghi đất nông nghiệp là không đúng) và thu hồi 95m² đất nông nghiệp của ông ở giữa Đồng B, tổng cộng là 153,8m². Gia đình ông được nhận bồi thường là 29.311.344đ, phần đất bị thu hồi này ông không thắc mắc gì. Trong số 153,8m² có một phần đất của ông Hiệp là anh trai ruột ông. Như vậy còn lại 476m². Nhà nước đã trả ông 100m², còn lại 376m² ông đang đòi...

Tóm lại, đất của gia đình ông là đất thổ cư, đất ông cha. Nhà nước lấy đất thì phải ra quyết định thu hồi và phải trả đủ diện tích đất đã thu hồi cho gia đình ông nhưng Nhà nước không ra quyết định thu hồi, không trả lại đất cho gia đình ông là trái pháp luật. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2759/QĐ/UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh V.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Chủ tịch UBND tỉnh V - Ông Vũ Chí G – Phó Chủ tịch trình bày:

Vụ việc ông Phan Trung P ở xã Đ, huyện T, tỉnh V phát sinh từ năm 2014, đơn có nội dung: “*Gia đình có 535m² đất ở xứ Đồng B, xã Đ, huyện T; thực hiện Dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Nhà nước đã thu hồi, bồi thường cho gia đình ông 153,8 m². Nay ông P đề nghị nhà nước trả đủ cho gia đình 380m² đất thổ cư còn lại bị xâm lấn khi thực hiện Dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai*”.

Nội dung vụ việc khiếu nại đã được Chủ tịch UBND huyện T giải quyết khiếu nại lần 1 tại Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015. Không đồng

ý kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND huyện T, ông P đã khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND tỉnh V và đã được Chủ tịch UBND tỉnh V thụ lý giải quyết khiếu nại lần 2 đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và thời hạn theo quy định tại: Điều 21, mục 3, chương 3 của Luật khiếu nại năm 2011; Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 28/9/2016 của UBND tỉnh V ban hành Quy chế làm việc của UBND tỉnh V, nhiệm kỳ 2016-2021; Quyết định số 4138/QĐ-CT ngày 30/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh V phân công công tác của Chủ tịch, các phó Chủ tịch và các Ủy viên UBND tỉnh, nhiệm kỳ 2016-2021 và Quyết định số 599/QĐ-CT ngày 22/02/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh V về việc ủy quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Số diện tích 376,4m² ông P cho rằng là đất của gia đình sử dụng ổn định, lâu dài, không có tranh chấp thì Nhà nước phải công nhận cho gia đình là đất ở là không có căn cứ, bởi lẽ: Số diện tích ông P nêu trên có nguồn gốc là đất hành lang giao thông (*thuộc quyền quản lý của nhà nước*) và đất sản xuất nông nghiệp Nhà nước giao cho các hộ gia đình, cá nhân sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp theo Nghị định số 64/NĐ-CP của Chính phủ. Quá trình quản lý, Nhà nước đã thu hồi để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp đường Tỉnh lộ 310 (năm 2001); quy hoạch đất ở giãn dân (năm 2005) và Dự án đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai (năm 2008). Các nội dung này đã được nêu rõ tại mục III và mục V tại Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Lý do trên bản đồ địa chính dự án đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai đo vẽ tháng 4/2008 ký hiệu thửa đất ông P đang sử dụng là đất ở nông thôn (ONT): Thửa đất này đã được Nhà nước phê duyệt quy hoạch khu dân cư tập chung để giao đất giãn dân cho các hộ gia đình, cá nhân địa phương (*chuyển đổi mục đích sử dụng từ đất sản xuất nông nghiệp sang đất ở giãn dân từ năm 2005*).

Do đó Quyết định số 2759/QĐ- UBND ngày 18/10/2017 của Chủ UBND tỉnh V về việc giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở thôn Đ, xã Đ, huyện T là đúng pháp luật. Đề nghị TAND tỉnh V giữ nguyên hiệu lực Quyết định số 2759/QĐ- UBND ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh V về việc giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở thôn Đ, xã Đ, huyện T.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh V khai về việc thu hồi đất của ông Phan Trung P, bà Hoàng Thị H và bà Phạm Thị G trong 03 giai đoạn như sau:

Về nguồn gốc đất của ông P liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường GPMB thực hiện các dự án, theo Biên bản xác minh của Thanh tra tỉnh với UBND huyện T ngày 29/11/2016 về nguồn gốc sử dụng đất của ông Phan Trung P và thông tin, tài liệu UBND xã Đ cung cấp tại các Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 15/3/2014; Báo cáo số 102/BC-UBND ngày 24/11/2016 của UBND xã Đ về nguồn gốc lịch sử thửa đất gia đình ông P đã bị thu hồi để thực hiện dự án Đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai; xác định:

Trước thời điểm nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án ông P không có đất ở, do sau năm 1998 ông P ly hôn với vợ là bà Lê Thị H (còn gọi là KH) phần đất ở và đất vườn là tài sản chung, ông P đã cho bà KH sử dụng toàn bộ.

- Đất nông nghiệp trồng lúa: 296,5 m² gồm các vị trí sau:

(1) Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số thửa 214 theo Bản đồ quy hoạch số 214, diện tích 142,7m², loại đất LUC.

Đây là một nửa thửa đất số 279, tờ 16, Bản đồ 299, diện tích 144m² (Đo thực tế là 142,7m²) là do vợ chồng ông P và bà KH khi ly hôn 1998 đã tự thỏa thuận mỗi người sử dụng một nửa của thửa đất số 279, tờ 16, Bản đồ 299, diện tích 288,0 m² có nguồn gốc năm 1992 vợ chồng ông P được nhà nước giao theo Quyết định số 450/QĐ-UB ngày 19/5/1992 của UBND tỉnh Vĩnh Phú về việc điều chỉnh ruộng đất canh tác giao cho hộ xã viên. Việc chia đôi thửa đất này chỉ do vợ chồng ông P tự xác định ranh giới và sử dụng, không có đơn đề nghị UBND xã Đ để tách thửa, chỉnh lý trên hồ sơ quản lý đất đai của Nhà nước.

(2) Tờ bản đồ số 16, số thửa 278 bản đồ địa chính tương ứng với số thửa 402 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích 58,8m², loại đất TSN. Nguồn gốc thửa đất này ông P được anh trai ruột là Phan Văn H cho (Theo hồ sơ quản lý diện tích là 36 m², đo đạc thực tế là 58,8 m², tăng so với hồ sơ quản lý đất đai 22,8m²). Việc ông H cho đất ông P chỉ được 02 hộ khai báo và UBND xã Đ chỉnh lý tại Hồ sơ quản lý đất đai đối với hộ ông H và ông P.

(3) Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số 326 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích 95m², loại đất LUC. Đây là diện tích chênh lệch tăng giữa hiện trạng sử dụng đất thực tế khi thu hồi đất với hồ sơ quản lý đất đai của Nhà nước khi thu hồi thực hiện dự án Đường Nội Bài - Lào Cai chưa đưa vào tính toán bồi thường cho hộ ông P. Nguyên nhân: Do khi đo đạc hiện trạng để lập bản đồ thu hồi đất đã thể hiện diện tích tăng so với hồ sơ quản lý đất đai diện tích 95,0m² này; nhưng khi quyết định thu hồi đất và lập phương án bồi thường thì nhà nước chỉ đưa vào theo diện tích thể hiện tại hồ sơ quản lý đất đai (Qua rà soát phát hiện sai sót UBND huyện T đã ban hành quyết định đính chính quyết định thu hồi đất để bổ sung 95,0m² đất này cho hộ ông P để giải quyết bồi thường bổ sung cho ông P nhưng ông P không thừa nhận và không nhận việc giải quyết bồi thường bổ sung này).

Các giai đoạn thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ đối với hộ ông Phan Trung P.

Giai đoạn thực hiện các dự án Đường 310 (năm 2001):

Sau khi ly hôn và tự chia đất nông nghiệp với bà Lê Thị H (còn gọi là KH) nêu trên, ông P đã tự đổi 144m² (diện tích đo thực tế là 142,7m²) đất tại thửa 279 của ông cho bà Hoàng Thị H ở cùng thôn để lấy diện tích 144m² đất quỹ I của bà H tại thửa đất số 278- BĐĐC ở giáp phần hành lang đường 210 (nay là tỉnh lộ 309) nên khi Nhà nước kiểm đếm đất đai, thu hồi đất thực hiện dự án ông P đã kê khai và được UBND xã Đ quy chủ, trình cấp thẩm quyền thu hồi đất, bồi thường, hỗ

trợ nhằm cho hộ ông P diện tích 51m² đất nông nghiệp tại Quyết định số 502/QĐ-UB ngày 22/3/2001 của UBND tỉnh V về việc thu hồi và giao đất cho UBND huyện T cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 310 và Quyết định số 1235/QĐ-CT ngày 06/7/2000 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt phương án đền bù GPMB xây dựng tỉnh lộ 310 (Theo Danh sách các hộ được đền bù có hộ ông Phan Trung P, số thứ tự 100, diện tích 51m², số tiền bồi thường là 1.025.442 đồng) do vị trí thực tế tại đất thu hồi thuộc hành lang giao thông đường 310 (Nay là TL 309). Tuy nhiên sau đó UBND Đ đã san lấp mặt bằng phần diện tích này để quản lý hành lang giao thông; vị trí nói trên thuộc thửa số 307 (Bản đồ thu hồi đất Đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai). Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng không thanh toán cho hộ ông P số tiền Bồi thường nói trên. Tuy nhiên đến nay UBND xã Đ và các cơ quan liên quan cũng không có tài liệu nào trình để UBND tỉnh V ban hành quyết định đính chính nội dung sai sót trên.

Giai đoạn thực hiện dự án giao đất giãn dân năm 2005

Thửa đất ông P đổi cho bà Hoàng Thị H và thửa đất ông P được ông Hiệp cho nêu trên, ông P đã dồn 02 thửa vào thành 01 thửa để sử dụng và hình thành thửa đất có diện tích là 202,8m² (trong đó có 180m² là đất quỹ I trong sổ sách quản lý, còn 22,8m² là diện tích chênh lệch tăng giữa hiện trạng với giấy tờ quản lý đất đai của nhà nước).

Khi nhà nước chuẩn bị quy hoạch để thực hiện dự án giao đất ở giãn dân năm 2005 tại xã Đ dự kiến thu hồi phần đất 202,8m² này của hộ ông P để quy hoạch, thực hiện giao đất ở nhưng ông P không đồng ý để nhà nước thu hồi; Do đó Nhà nước chỉ quy hoạch và thu hồi đất của các hộ khác để thực hiện dự án giao đất ở đến vị trí tiếp giáp phần đất nông nghiệp diện tích 202,8m² hộ ông P đang sử dụng. Không có diện tích đất nào của hộ ông Phan Trung P được nhà nước thu hồi để thực hiện dự án giao đất giãn dân năm 2005 tại xã Đ.

Giai đoạn thực hiện dự án đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai

Ông P có 2 vị trí đất nông nghiệp liên quan tại xã Đ theo hồ sơ quản lý gồm:

- **Vị trí 1:** Được giao thửa đất số 279-tờ 16- Bản đồ địa chính 299 (BĐĐC) với diện tích 288m² là đất nông nghiệp quỹ I theo Quyết định số 450/QĐ-UB ngày 19/5/1992 của UBND tỉnh Vĩnh Phú (Thửa đất này sau khi ly hôn với bà KH, ông P và bà KH tự chia đôi diện tích đất này, sau đó ông P đổi cho bà H nêu trên).

- **Vị trí 2:** Được anh trai là ông Phan Văn H cho 36m² đất quỹ I tại thửa 402- BĐ thu hồi và giao đất dự án đường Cao tốc Nội Bài – Lào Cai; khi đo đạc xác định hiện trạng để thu hồi đất thực hiện dự án diện tích thực tế là 58,8m², chênh lệch tăng so với giấy tờ sử dụng đất là 22,8m².

Sau khi đổi đất cho bà H ông P bao chiếm, trồng cây, đào ao, thả cá; năm 2005 UBND xã Đ kiểm tra, đo đạc để dự kiến đưa vào quy hoạch dự án đất giãn dân của xã Đ, ông P phản đối gay gắt, không đồng ý để nhà nước thu hồi đất để

thực hiện dự án đất giãn dân, do đó nhà nước không quy hoạch phần diện tích này để thu hồi đất, thực hiện dự án đất ở giãn dân năm 2005 tại xã Đ; ông P tiếp tục sử dụng đất đến khi nhà nước thu hồi để thực hiện dự án đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai.

Diện tích 95m² nêu tại mục (3) nêu trên là diện tích chênh lệch tăng giữa đo thực tế với hồ sơ quản lý đất đai tại thửa 279, DT: 288m². Khi đưa vào thu hồi đất, bồi thường dự án Đường Nội Bài – Lào Cai đã không được tính cho hộ bà KH, cũng không được tính cho hộ bà Hoàng Thị H mà được hình thành một phần riêng xác định là của ông Phan Trung P.

Do 02 thửa đất ở vị trí 1 và vị trí 2 này liền kề với phần đất đã được Nhà nước thu hồi, bồi thường, GPMB của các hộ dân khác cùng địa phương để thực hiện dự án giao đất ở giãn dân nên quá trình sử dụng ông P đã lấn, chiếm thêm diện tích tại các ô đất số 44 diện tích 100m², ô số 45 diện tích 120m² và phần đất hành lang giao thông đường 310 diện tích 156,6m² (theo bản đồ quy hoạch dự án giãn dân năm 2005 xã Đ) là các thửa đất 400, 401 và một phần thửa 307 (theo Bản đồ thu hồi đất Đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai). Tổng số 578m,4m².

Diện tích đất có liên quan sử dụng đất, đổi đất giữa ông Phan Trung P, bà Hoàng Thị H không nằm trong phần diện tích 376,6m² đất ông P đã lấn, chiếm đất công nói trên.

Từ mối quan hệ sử dụng đất giữa ông Phan Trung P, bà Hoàng Thị H như trình bày phần trên; việc thu hồi đất liên quan hộ ông P tại dự án Đường Nội Bài - Lao Cai như sau:

Quyết định số 3967/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 “về việc thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân sử dụng để lập PABT, GPMB thực hiện dự án: Xây dựng Đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai đoạn qua địa phận xã Đ, huyện T, tỉnh V” (Quyết định 3967) đã thu hồi 287,9 m² đất nông nghiệp của hộ ông: Phan Trung P, hiện đang thường trú tại thôn Đ xã Đ để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai. Cụ thể:

Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số 326 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích 95m², loại đất LUC;

Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số thửa 214 theo Bản đồ quy hoạch số 214, diện tích 142,7m², loại đất LUC;

Tờ bản đồ số 16, số thửa 278 bản đồ địa chính tương ứng với số thửa 402 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích 58m², loại đất TSN;

Quyết định 701/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 “về thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân sử dụng để lập PA BTGPMB Dự án: Xây dựng dự án Đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai qua địa phận xã Đ, T, V” (Quyết định 701). Thu hồi 153,8 m² đất nông nghiệp của hộ ông: Phan Trung P (Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số 326 +402 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích thực tế 153,8m², trong chỉ giới 153,8m², loại đất LUC).

Tại thửa đất số 402 và 326 bản đồ quy hoạch UBND huyện T có việc ban hành 02 quyết định thu hồi đất (Quyết định số 3967 và số Quyết định số 701) vì:

- Quá trình quyết định thu hồi đất bồi thường GPMB dự án Đường Nội Bài – Lào Cai tại Quyết định số 3967/QĐ-UBND quy chủ sai phần đất của hộ bà KH để đưa vào thu hồi theo tên ông P (vốn dĩ là cùng một thửa đất số 279, diện tích 288m² vợ chồng ông P sử dụng trước khi ly hôn);

- Diện tích đất thu hồi của hộ ông P 58,8m² tại thửa 278- Bản đồ 299 lại đưa nhầm vào Quyết định là thửa 279.

Quyết định số 701/QĐ-UBND quy chủ thu hồi đất của ông P và hộ bà Hoàng Thị H theo việc tự đổi đất của các hộ, không đúng hồ sơ quản lý đất đai. Do đó UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 về việc đính chính Quyết định số 3967/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 và Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND huyện T về việc đính chính Quyết định 701 (Quyết định 432) để đảm bảo đúng chủ sử dụng đất thu hồi và đúng với hồ sơ quản lý đất đai của nhà nước đối với các cá nhân liên quan.

Quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 về việc đính chính Quyết định số 3967 có nội dung: (i) Thu hồi 134,1 m² đất nông nghiệp của bà: Lê Thị KH...để lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng công trình đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai, thuộc Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số 325 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích thực tế 134,1m², trong chỉ giới 134,1m², ngoài chỉ giới: không, loại đất LUC; (ii) Đính chính tên hộ ông Phan Trung P tại điều 2, điều 3 - Quyết định số 3967/QĐ-UBND thành bà Lê Thị KH. Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 3967/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 của UBND huyện T. Số tiền được nhận bồi thường, hỗ trợ theo tên của bà Lê Thị KH đã được ông P trả; đến nay bà KH không có thắc mắc gì về việc này.

Quyết định số 432 về việc đính chính Quyết định số 701 có nội dung: (i) Thu hồi 296,5 m² đất nông nghiệp của ông Phan Trung P, Cụ thể: Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số 326 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích 95m², loại đất LUC; Tờ bản đồ số 16, số thửa 279 bản đồ địa chính tương ứng với số thửa 214 theo Bản đồ quy hoạch số 214, diện tích 142,7m², loại đất LUC; Tờ bản đồ số 16, số thửa 278 bản đồ địa chính tương ứng với số thửa 402 theo Bản đồ quy hoạch, diện tích 58m², loại đất TSN; (ii) Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 701.

Hồ sơ bồi thường GPMB hộ gia đình ông P được phê duyệt bồi thường thể hiện tại 03 quyết định:

- Quyết định số 4203/QĐ-UBND ngày 20/11/2008 của UBND tỉnh V về việc Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất trên địa bàn các xã H, A, Đ và thị trấn H, huyện T để thực hiện Tiểu dự án GPMB xây dựng đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai trong đó có hộ ông Phan Trung P.

- Quyết định 658/QĐ-UB ngày 19/3/2012 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi thu hồi đất tại xã Í, Tiên Lữ- huyện L và xã Đ- huyện T thuộc tiểu dự án GPMB xây dựng Đường Cao tốc Nội Bài- Lào Cai điều chỉnh bổ sung tăng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông P đối với 28,8m² là diện tích đất nông nghiệp chênh lệch tăng giữa đo đạc thực tế (58,8m²) so với hồ sơ quản lý đất đai (36m²) tại thửa 278, tờ 16, Bản đồ 299 (thửa 402 bản đồ QH) đất nông nghiệp có nguồn gốc ông P được anh trai là ông Phan Văn H cho nhưng chưa được tính toán bồi thường tại Quyết định số 4203/QĐ-UBND ngày 20/11/2008.

- Quyết định 1418/QĐ-UB ngày 21/4/2016 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB công trình: Tiểu dự án GPMB xây dựng Đường Cao tốc Nội Bài- Lào Cai, địa điểm: xã K, xã Đ, xã A, xã Đ, thị trấn H thuộc huyện T, tỉnh V. Trong đó giá trị bồi thường, hỗ trợ điều chỉnh giảm là 463.322 đồng đối với hộ ông Phan Trung P tại Quyết định 658/QĐ-UB ngày 19/3/2012 của UBND tỉnh V đã tính tăng sai tiền bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông P 07 cây xoan.

Tổng số tiền bồi thường GPMB đất và tài sản trên đất ông Phan Trung P được phê duyệt là 137.320.217 đồng.

Việc đính chính trên không làm thay đổi về giá trị bồi thường, hỗ trợ tại các Quyết định số 658/QĐ-UB ngày 19/3/2012 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung và Quyết định 1418/QĐ-UB ngày 21/4/2016 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB công trình đã thực hiện đối với ông Phan Trung P.

Theo Quyết định số 432 về việc đính chính Quyết định 701 ông P còn diện tích 95m² đất nông nghiệp quỹ I là diện tích chênh lệch tăng giữa hiện trạng sử dụng đất thực tế so với diện tích trên hồ sơ quản lý đất đai của nhà nước tại thửa đất số 279, tờ bản đồ 16 như đã nêu trên nhưng khi đưa vào phương án bồi thường HDBTGPMB chỉ đưa vào tính toán theo hồ sơ quản lý đất đai nên thực tế 95m² đất này của ông P chưa được bồi thường, hỗ trợ. UBND huyện T đã nhiều lần mời ông P làm việc để giải quyết bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông P nhưng ông P không thừa nhận và đề nghị không cần giải quyết việc nhà nước bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với 95m² đất này. Do đó tại Quyết định 2759/QĐ - UBND ngày 18/10/2017 “*V/v giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở thôn Đ, xã Đ, huyện T*” không giải quyết đối với ông P về bồi thường, hỗ trợ bổ sung đối với phần diện tích 95 m² đất nông nghiệp này.

Việc thu hồi đất, bồi thường GPMB đối với bà Phạm Thị G

Giai đoạn thực hiện mở rộng đường TL310 (nay là đường 309)

Tại hồ sơ thu hồi đất, bồi thường GPMB để thực hiện dự án cải tạo, nâng cấp đường Bến Gạo – Tam Quan huyện T (Km 0- Km13+698m) không có việc thu hồi đất của hộ bà Phạm Thị G ở khu Đồng B, xã Đ.

Giai đoạn thực hiện dự án giao đất giãn dân năm 2005 xã Đ

Năm 2005, UBND xã Đ thực hiện dự án xây dựng khu đất Giãn dân khu Đồng B, xã Đ; đã thu hồi diện tích còn lại của thửa đất 201.2 - BĐDC của bà G và bồi thường, hỗ trợ cho hộ bà G; đến nay bà G không có thắc mắc gì. Cụ thể:

- Quyết định số 1367/QĐ-UB ngày 24/10/2005 của UBND huyện T V/v thu hồi và giao đất cho hộ gia đình cá nhân làm nhà ở tại xã Đ, huyện T (kèm theo danh sách các hộ có đất thu hồi) thể hiện phần đất thu hồi của hộ bà G như sau:

+ Tên chủ hộ có đất thu hồi: Là ông Phan Văn K con trai của bà Phạm Thị G đại diện chủ hộ (Tại danh sách ghi nhầm là Nguyễn Văn K);

+ Diện tích đất thu hồi: 237m² đất nông nghiệp quỹ I, hạng 2, tại thửa số 201.2, tờ bản đồ 16, bản đồ 299 xã Đ.

- Quyết định số 1540/QĐ-UB ngày 28/11/2005 của UBND huyện T V/v duyệt phương án đền bù GPMB xây dựng quy hoạch khu dân cư nông thôn xã Đ, huyện T (kèm theo danh sách các hộ nhận bồi thường có) thể hiện như sau:

+ Tên chủ hộ có đất thu hồi: Là ông Phan Văn K con trai của bà Phạm Thị G đại diện chủ hộ (Tại danh sách ghi nhầm là Nguyễn Văn K);

+ Diện tích đất thu hồi: 237m² đất nông nghiệp quỹ I, hạng 2, tại thửa số 201.2, tờ bản đồ 16, bản đồ 299 xã Đ;

+ Số tiền đền bù là: 9.334.482,0 đồng.

Diện tích thu hồi 237m² đất nông nghiệp của hộ bà Phạm Thị G được quy hoạch là các ô đất số 44 diện tích 100m², ô số 45 diện tích 120m² và một phần diện tích 17m² thành đất hành lang giao thông đường 310 (theo Bản đồ quy hoạch dự án giãn dân năm 2005 xã Đ) và là các thửa đất 400, 401 và một phần thửa 307 (theo Bản đồ thu hồi đất Đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai). Phần diện tích này nằm toàn bộ trong tổng diện tích 376,6m² mà ông P đã lấn chiếm đất công của nhà nước trước khi thu hồi đất GPMB để thực hiện dự án đường Nội Bài –Lào Cai.

Giai đoạn thực hiện dự án đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai

Qua kiểm tra, xác minh; UBND xã Đ và UBND huyện T có những thời điểm báo cáo việc ông P đổi thửa đất số 278, tờ 16, Bản đồ 299, diện tích 144m² cho hộ bà Phạm Thị G để lấy diện tích 51m² của hộ bà G ở thửa 201.2 của bà G để có vị trí gần mặt đường 310. Tuy nhiên tại hồ sơ quản lý đất đai của UBND xã Đ không có tài liệu gì thể hiện việc 02 hộ kê khai biến động, sử dụng đất; không có giấy tờ thỏa thuận giữa 02 hộ về việc đổi đất này. Do đó giai đoạn thực hiện dự án đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai; hộ bà Phạm Thị G không có diện tích đất nông nghiệp nào liên quan đến việc đổi đất với hộ ông Phan Trung P được Nhà nước thu hồi.

Về việc thu hồi đất đối với hộ bà Hoàng Thị H:

Quyết định số 3915/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 của UBND huyện T (Quyết định 3915) “về thu hồi đất của hộ gia đình, cá nhân sử dụng để lập phương án bồi thường GPMB thực hiện dự án: Xây dựng Đường cao tốc Nội

Bài- Lào Cai đoạn qua địa phận xã Đ, huyện T, tỉnh V” thu hồi 142,7m² đất nông nghiệp của hộ ông: Lý Hồng Kh (Tờ bản đồ số 16, số thửa 201.1 bản đồ địa chính tương ứng với thửa số 314 theo Bản đồ quy hoạch, loại đất LUC);

Quyết định số 4203/QĐ-UBND ngày 20/11/2008 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất hộ ông Lý Hồng Kh (con trai bà H), tổng số tiền bồi thường là 15.118.828,0 đồng; hộ gia đình đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ đến nay không thắc mắc gì.

Qua kiểm tra đã phát hiện việc quy chủ sử dụng đất và diện tích thu hồi không đúng hồ sơ quản lý đất đai, do đó ngày 12/4/2017 UBND huyện T ban hành Quyết định số 431/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 3915/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 của UBND huyện T, đã đính chính tên chủ sử dụng từ Lý Hồng Kh sang Hoàng Thị H và 142,7m² được đính chính thành 144m² *Các nội dung khác vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 391.*

Diện tích thu hồi này của hộ bà Hoàng Thị H là tại vị trí đổi đất với ông Phan Trung P; thời điểm đổi đất là tại thửa 278, tờ 16, Bản đồ 299; Thời điểm thu hồi để thực hiện dự án Đường Nội Bài - Lào Cai thuộc thửa số 201.1, tờ 16, Bản đồ địa chính xã Đ (là một phần các thửa 307, 399, 400 theo BĐQH xã Đ).

Như vậy UBND tỉnh V khẳng định:

Trong quá trình giải quyết vụ việc, ông Phan Trung P đưa ra một số ý kiến để nhận thức và giải thích rằng diện tích 376,2m² đất ở xứ Đồng B, xã Đ - T ông sử dụng đã được nhà nước GPMB để thực hiện dự án Đường Nội Bài – Lào Cai là đất khai Hng của gia đình ông do ông cha để lại và trên thực tế đất này ông đã xây dựng các công trình, nhà ở để sử dụng ổn định do đó việc nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng diện tích đất này thì phải bồi thường cho ông bằng đất ở tái định cư là không có cơ sở bởi vì: Diện tích 376,2m² đất ở xứ Đồng B, xã Đ, huyện T nhà nước đã GPMB đối với ông Phan Trung P để thực hiện dự án Đường Nội Bài – Lào Cai hoàn toàn là lấn chiếm đất công do nhà nước quản lý gồm các diện tích cụ thể sau:

+ Diện tích 156,2m² đất ông P lấn, chiếm thuộc đất hành lang giao thông của Đường 310; thời điểm thu hồi đất dự án Đường Nội Bài –Lào Cai thuộc đất hành lang giao Đường TL 309 và được thể hiện là một phần thửa số 307 – Bản đồ QH thu hồi đất dự án Đường Nội Bài –Lào Cai).

+ Diện tích 237m² đất ông P lấn, chiếm thuộc đất công do nhà nước quản lý đã được nhà nước quy hoạch làm đất ở của dự án Đất giãn dân xã Đ năm 2005 được thể hiện là các ô đất số 44 và 45 theo bản đồ Quy hoạch đất giãn dân 2005 của xã Đ (Chính là các thửa số 400, 401 và một phần nhỏ thửa 307– BĐQH thu hồi đất dự án Đường Nội Bài –Lào Cai) có lịch sử nguồn gốc là đất nông nghiệp quỹ I của chủ hộ bà Phạm Thị G (con trai là Phan Văn K) đã được nhà nước thu hồi đất, bồi thường GPMB để thực hiện dự án đất giãn dân xã Đ năm 2005 tại Quyết định số 1367/QĐ-UB ngày 24/10/2005 của UBND huyện T V/v thu hồi và giao đất cho hộ gia đình cá nhân làm nhà ở tại xã Đ, huyện T và

Quyết định số 1540/QĐ-UB ngày 28/11/2005 của UBND huyện T V/v duyệt phương án đền bù GPMB xây dựng khu dân cư nông thôn xã Đ, huyện T thể hiện diện tích đất thu hồi là 237m² đất nông nghiệp quỹ I, hạng 2, tại thửa số 201.2, tờ bản đồ 16, bản đồ 299 xã Đ. Như vậy toàn bộ diện tích 376,2m² đất ở xứ Đồng B, xã Đ huyện T ông P đã lấn chiếm không có khoảng trống thời gian nào là đất hoang hóa để cho gia đình ông P khai Hoang và do ông cha để lại. Tại hồ sơ quản lý đất đai của nhà nước không có bất kỳ tài liệu nào thể hiện việc gia đình ông P kê khai sử dụng đất khai Hoang trên phần diện tích đất này.

Trong quá trình lấn chiếm sử dụng 376,2m² đất ở xứ Đồng B, xã Đ huyện T nhà nước đã GPMB đối với ông Phan Trung P để thực hiện dự án Đường Nội Bài – Lào Cai ông P đã xây dựng công trình và tài sản, vật kiến trúc trái phép trên đất vi phạm; nhiều lần đã được chính quyền nhà nước yêu cầu tự tháo dỡ công trình vi phạm để trả lại mặt bằng đất cho nhà nước quản lý nhưng ông P cố tình không chấp hành; khi hiện dự án Đường Nội Bài – Lào Cai, Nhà nước không thu hồi đất của ông P mà chỉ giải phóng mặt bằng (giải tỏa) và thực hiện hỗ trợ phần tài sản, vật kiến trúc trên đất vi phạm cho hộ ông P. Do vậy mặc dù ông P có xây dựng công trình, tạo lập tài sản trên đất vi phạm thì cũng không phải là căn cứ pháp lý để được nhà nước bồi thường đất tái định cư cho ông P khi nhà nước GPMB đất để thực hiện dự án Đường Nội Bài – Lào Cai.

UBND huyện T có Quyết định số 7626/QĐ-UBND ngày 28/9/2012 về việc giao đất giãn dân cho hộ ông Phan Trung P 01 ô đất ở tại khu tái định cư Đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai, thôn Bắc 1 xã Đ, huyện T là do khi nhà nước vận động ông Phan Trung P để giải phóng mặt bằng diện tích 376,6m² đất ông P lấn chiếm để thực hiện dự án Đường Nội Bài – Lào Cai; mặc dù ông P đã nhận đủ số tiền nhà nước bồi thường, hỗ trợ nhưng sau đó lại trây ỳ, không tự giác giao mặt bằng đất cho nhà nước với lý do ông không có chỗ ở; do đó nhà nước đã giao cho ông P 01 ô đất giãn dân là để tạo điều kiện cho ông P có nơi ở để đảm bảo an sinh và để ông P chấp hành giải phóng mặt bằng và giao mặt bằng đất cho nhà nước thực hiện dự án Đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai. Hoàn toàn không có tài liệu, bằng chứng gì về việc nhà nước giao đất tái định cư cho ông Phan Trung P. Không có mối liên hệ gì về việc nhà nước đã giao một phần đất tái định cư cho ông P còn một phần chưa trả cho ông nên ông P khiếu kiện để được nhà nước trả nốt phần đất tái định cư còn lại.

Qua kiểm tra, xác minh giải quyết vụ việc cũng đã phát hiện những tồn tại, thiếu sót khác của UBND xã Đ, UBND huyện T trong trách nhiệm quản lý hành chính nhà nước về đất đai tại địa phương như: Không yêu cầu công dân thực hiện đúng trình tự, thủ tục cho tặng đất nông nghiệp của ông Phan Văn H là anh trai ông P cho, tặng ông P 36m² đất nông nghiệp tại thửa tại thửa đất số 278-BĐĐC mà chỉ theo dõi trên sổ mục kê theo dõi biến động đất đai và chỉnh lý trên bản đồ của UBND xã; việc quy chủ, kiểm đếm đất đai để trình cấp thẩm quyền ban hành Quyết định số 502/QĐ-UB ngày 22/3/2001 của UBND tỉnh V về việc thu hồi và giao đất cho UBND huyện T cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ

310 và Quyết định số 1235/QĐ-CT ngày 06/7/2000 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt phương án đền bù GPMB xây dựng tỉnh lộ 310 thu hồi và phê duyệt bồi thường, hỗ trợ nhằm cho ông Phan Trung P diện tích 51m² đất nông nghiệp vào phần diện tích hành lang giao thông đường 310; tuy UBND xã Đ đã phát hiện sai sót, không chi trả tiền bồi thường cho hộ ông P, tiến hành san lấp mặt bằng đất để quản lý hành lang giao thông nhưng không làm thủ tục trình cấp thẩm quyền để đính chính sai sót nói trên. Do đã hết thời hiệu xử lý về xử lý vi phạm hành chính của tập thể, cá nhân liên quan; do đó UBND tỉnh chỉ rút kinh nghiệm, chấn chỉnh đối với địa phương về quản lý hành chính về đất đai tại địa phương trong quá trình xem xét giải quyết đơn của ông Phan Trung P.

Việc ông P khiếu kiện yêu cầu hủy bỏ Quyết định số 2759/QĐ/UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh V “về việc Giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh V” liên quan đến các quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh V, UBND huyện T để thực hiện các dự án từ nêu trên, UBND tỉnh V thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án TAND tỉnh V yêu cầu UBND tỉnh V cung cấp đầy đủ, hệ thống các văn bản liên quan đến trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính này, tuy nhiên do thời gian đã lâu, việc quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu của các cơ quan liên quan cũng như việc quản lý Nhà nước về đất đai của UBND xã Đ còn nhiều hạn chế, yếu kém, vì vậy UBND tỉnh V không cung cấp đầy đủ hồ sơ, hệ thống các tài liệu cho Tòa án, nhưng về cơ bản các Quyết định hành chính về thu hồi đất liên quan đến khiếu kiện của ông Phan Trung P do UBND tỉnh V và các cơ quan liên quan xuất trình cho Tòa án là tương đối đầy đủ.

Đánh giá về tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của quyết định hành chính cũng như tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính về thu hồi đất, bồi thường, GPMB thực hiện các dự án liên quan ông Phan Trung P UBND tỉnh V thấy việc ban hành các quyết định hành chính này đã đảm bảo đúng các quy định của Luật đất đai cũng như các Nghị định của chính phủ, các thông tư và văn bản khác hướng dẫn thi hành Luật đất đai qua các thời kỳ. Khi phát hiện các sai sót tại các quyết định trên UBND huyện T đã phải ban hành các quyết định số 430/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 về việc đính chính Quyết định số 3967/QĐ-UBND ngày 07/11/2008, Quyết định số 432/QĐ-UBND ngày 12/4/2017 của UBND huyện T về việc đính chính Quyết định 701/QĐ-UBND ngày 22/02/2012 và Quyết định số 431/QĐ-UBND về việc đính chính Quyết định số 3915/QĐ-UBND ngày 07/11/2008 của UBND huyện T để khắc phục. Việc ban hành các quyết định đính chính không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các cá nhân liên quan và để đảm bảo đúng hồ sơ quản lý đất đai của nhà nước đối với công tác thu hồi đất, bồi thường GPMB thực hiện dự án. Sau khi triển khai các dự án và thực hiện các quyết định thu hồi đất trên địa bàn tỉnh V nói chung và UBND xã Đ huyện T nói riêng, quyền và

lợi ích hợp pháp của người dân được bảo đảm, cuộc sống của người dân đã đi vào ổn định.

Về việc đánh giá tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung của quyết định hành chính cũng như tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành quyết định hành chính về thu hồi đất của Quyết định số 3156/QĐ - UBND ngày 09/12/2015 của Chủ tịch UBND huyện T; Quyết định số 2759/QĐ – UBND ngày 18/10/2017 của UBND tỉnh V “ *V/v giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở Thôn Đ, xã Đ, huyện T*” Chủ tịch UBND huyện T và Chủ tịch UBND tỉnh V đã có nhận xét, đánh giá. UBND tỉnh V thống nhất cao với đánh giá của Chủ tịch UBND tỉnh V.

Việc khiếu kiện của ông Phan Trung P hoàn toàn không có căn cứ.

Đại diện theo pháp luật của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND huyện T, ông Phùng Mạnh Th - Chức vụ: Chủ tịch UBND huyện T trình bày:

Tính hợp pháp và có căn cứ của Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện T về giải quyết khiếu nại về đất đai của ông Phan Trung P. Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện T đã đảm bảo đúng về hình thức và nội dung nội dung theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

Hình thức Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện T được ban hành theo Mẫu số 15-KN ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính.

Qua rà soát về thể thức (*các thành phần cấu thành văn bản*) và kỹ thuật trình bày văn bản cho thấy Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện T đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản.

Nội dung Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện T được xác minh, K luận, quyết định theo đúng quy định của pháp luật.

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành:

Về thẩm quyền:

Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện T được ban hành đúng thẩm quyền. Quyết định do Phó chủ tịch UBND huyện Nguyễn Hữu Diễn (thay mặt Chủ tịch UBND huyện) ký ban hành. Việc Phó chủ tịch UBND huyện ký dựa trên những căn cứ sau:

- Thẩm quyền giải quyết khiếu nại vụ việc thuộc Chủ tịch UBND huyện theo quy định tại Khoản 1, Điều 18 Luật Khiếu nại năm 2011.

- Căn cứ khoản 2, Điều 17 Quyết định số 01/2017/QĐ-UBND ngày 10/3/2017 của UBND huyện về việc ban hành Quy chế làm việc của UBND huyện nhiệm kỳ 2016-2021, quy định:

“Phó Chủ tịch UBND huyện ký thay Chủ tịch UBND huyện những văn bản thuộc lĩnh vực được Chủ tịch phân công phụ trách hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch UBND huyện ngoài việc ký thay Chủ tịch UBND huyện các văn bản về lĩnh vực được phân công phụ trách còn được Chủ tịch ủy quyền, ủy nhiệm, giao quyền ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND khi Chủ tịch UBND huyện giao hoặc đi vắng”

- Căn cứ Khoản 2, Điều II Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các Phó chủ tịch và ủy viên UBND huyện nhiệm kỳ 2016-2021, ông Nguyễn Hữu Diễn-Phó chủ tịch UBND huyện được phân công: “cùng Chủ tịch chỉ đạo một số nội dung công việc của các phòng, đơn vị: Văn phòng HĐND&UBND; Thanh tra huyện,; Ban Tiếp công dân”, “chỉ đạo giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực được phân công phụ trách”.

- Căn cứ Điểm 1.2, Khoản 1, Điều 1, Quyết định số 143/QĐ-UBND ngày 23/01/2017 của Chủ tịch UBND huyện T, quy định: “..., các Phó chủ tịch UBND huyện được Chủ tịch UBND huyện giao thực hiện ký thay Chủ tịch về lĩnh vực và công việc được phân công phụ trách, đồng thời chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND huyện và pháp luật với các Văn bản đó...”

Như vậy, Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện T thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND huyện nhưng do Phó chủ tịch UBND huyện Nguyễn Hữu Diễn ký thay là thực hiện theo đúng quy định pháp luật, quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ của UBND huyện T.

Về trình tự, thủ tục ban hành:

Trình tự, thủ tục UBND huyện T ban hành Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện T được thực hiện theo quy định tại mục 2, chương 3 Luật khiếu nại năm 2011. Cụ thể như sau:

- Ngày 28/8/2015, UBND huyện ban hành Quyết định số 2086/QĐ-UBND thụ lý khiếu nại và thành lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại của ông Phan Trung P, thôn Đ, xã Đ.

- Ngày 28/8/2015, UBND huyện ban hành Thông báo số 885/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của ông Phan Trung P, thôn Đ, xã Đ.

- Ngày 01/9/2015, Đoàn xác minh (Đoàn thanh tra) nội dung khiếu nại ban hành Kế hoạch xác minh nội dung khiếu nại của ông Phan Trung P, thôn Đ, xã Đ.

- Ngày 08/9/2015, UBND huyện T tổ chức hội nghị công bố quyết định xác minh khiếu nại.

- Ngày 06/10/2015, Đoàn xác minh (Đoàn thanh tra) nội dung khiếu nại tổ chức hội nghị đối thoại với người khiếu nại.

- Ngày 26/10/2015, Đoàn xác minh (Đoàn thanh tra) nội dung khiếu nại ban hành Báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của ông Phan Trung P ở thôn Đoài, xã Hoàng Đan, huyện T.

- Ngày 09/12/2015, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Quyết định số 3156/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại về đất đai của ông Phan Trung P.

Về thời hiệu, thời hạn ban hành:

Ông Phan Trung P có nội dung khiếu nại gửi UBND huyện T liên quan đến việc nhà nước thu hồi đất của gia đình ông P để thực hiện Dự án đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai. Nội dung khiếu nại được Thanh tra huyện thống nhất với ông Phan Trung P tại biên bản chốt nội dung khiếu nại của ông Phan Trung P ngày 27/8/2015.

Ngày 28/8/2015, UBND huyện ban hành Quyết định số 2086/QĐ-UBND thụ lý khiếu nại và thành lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại của ông Phan Trung P, thôn Đ, xã Đ.

Thời hiệu giải quyết khiếu nại của ông Phan Trung P được thực hiện đúng quy định tại Điều 9, Luật Khiếu nại năm 2011. Lý do: Tại thời điểm ông P khiếu nại, UBND huyện T vẫn đang thực hiện thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng thửa đất liên quan đến nội dung khiếu nại của ông P.

Thời hạn giải quyết khiếu nại bị kéo dài so với quy định của Luật Khiếu nại năm 2011. Lý do: Vụ việc đặc biệt phức tạp, hồ sơ địa chính lưu trữ không đầy đủ, phải xác minh nhiều nội dung, liên quan đến quyền và lợi ích của nhiều người nên không kịp hoàn thành theo thời hạn quy định.

Về mối liên hệ giữa Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện T với quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Ông Phan Trung P là người có quyền và lợi ích liên quan đến thửa đất ông P khiếu nại nên việc UBND huyện T ban hành quyết định thụ lý và quyết định giải quyết khiếu nại đối với nội dung khiếu nại của ông Phan Trung P là đúng quy định.

Tại Bản tự khai bổ sung ngày 04/12/2020 ông Phùng Mạnh Th khai bổ sung về nội dung Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện T như sau:

UBND huyện T đã thành lập Đoàn xác minh nội dung khiếu nại, K quả xác minh như sau:

UBND xã Đ xác nhận về quá trình sử dụng đất của ông P tại vị trí giáp Tỉnh lộ 309: Trước năm 1990 ông P có làm quán nhỏ để bán hàng, sửa chữa xe đạp nhưng không sinh sống tại đây mà vẫn sinh sống tại thôn Đ - Đ. Năm 2005 quy hoạch đất giãn dân khu đồng B, UBND xã Đ đã tổ chức hội nghị vận động tuyên truyền, yêu cầu ông P thu dọn các loại cây trồng trên đất, bàn giao mặt bằng để làm thủ tục giao đất và ưu tiên giao cho ông P 01 ở đất giãn dân nhưng ông P không đồng ý mà tự ý bỏ về khỏi hội nghị. Do vậy không thể xác nhận ông P có đất thổ cư tại Đồng B.

Tại biên bản kiểm kê đất và tài sản, Hoa lợi trên đất ngày 17/02/2012, Tổ kiểm kê đã kiểm kê tài sản trên đất và hiện trạng thửa đất mà hộ gia đình ông P đã chiếm dụng xây quán bán hàng và tạo lập tài sản trên đất. Theo báo cáo của

UBND xã Đ thì toàn bộ tài sản, vật kiến trúc trên đất là do gia đình ông P đã xây dựng, tạo lập trên diện tích đất đã thu hồi, bồi thường GPMB quy hoạch đất giãn dân khu đồng B, xã Đ năm 2005 và hành lang giao thông đường TL 309. Do vậy, trong phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB của hộ ông P được UBND tỉnh V phê duyệt tại Quyết định số 658/QĐ-UBND ngày 19/3/2012 hộ ông P không được bồi thường về đất vì UBND xã Đ không công nhận gia đình ông có đất ở hợp pháp tại vị trí gia đình đã chiếm dụng xây quán bán hàng và tạo lập tài sản trên diện tích khoảng 535m² đất mà chỉ được tính hỗ trợ 80% tiền tài sản, vật kiến trúc và H lợi trên đất.

Ngày 06/10/2015 UBND huyện T đã tổ chức hội nghị đối thoại với ông Phan Trung P. Tham dự hội nghị đối thoại có Đoàn xác minh của UBND huyện, đại diện Ban quản lý dự án công trình giao thông 2-Sở GTVT tỉnh V, UBND xã Đ và ông Phan Trung P. K quả hội nghị, ông P không cung cấp được các giấy tờ tài liệu nào chứng minh cho việc ông P có 535m² đất thổ cư ở xứ đồng B, xã Đ. Các ý kiến của các thành phần tham gia hội nghị đã phân tích, giải thích cho ông P biết việc ông đề nghị trả đất thổ cư trên là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Từ những nhận định và căn cứ trên, Chủ tịch UBND huyện T đã ra quyết định:

Việc ông Phan Trung P có nội dung khiếu nại: Gia đình có 535m² đất ở xứ đồng B, xã Đ. Thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài Lào Cai, Nhà nước đã thu hồi 153,8m². Nay ông P đề nghị chính quyền giải quyết trả đủ 380m² đất thổ cư còn lại bị xâm lấn khi thực hiện Dự án đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai là không đủ căn cứ pháp luật để giải quyết. Vì:

Hộ ông Phan Trung P được giao thửa đất nông nghiệp số 279, tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299), diện tích 288m² tại xứ đồng B, xã Đ. Trong quá trình sử dụng, hộ ông P tự ý đổi 144m² đất thuộc một phần thửa đất số 279 để lấy 144m² đất thửa số 201.1 của bà Hoàng Thị H (giáp đường Tỉnh lộ 310, nơi hộ P), hộ ông P đã xây dựng quán bán hàng và một số công trình phụ, bếp, hệ thống chuồng trại, sân, vườn để chăn nuôi. Năm 2005, UBND Xã Đ quy hoạch 45 ở đất giãn dân dọc theo Tỉnh lộ 310 (nay là Tỉnh lộ 309), bắt đầu từ vị trí đất ông P xây công trình phụ và quán bán hàng. Hộ ông P được UBND xã Đ đồng ý giao cho 01 ô đất theo quy hoạch này nhưng phải nộp tiền sử dụng đất theo quy định. Tuy nhiên ông P không nộp tiền sử dụng đất mà tiếp tục chiếm dụng 02 ô ở đất quy hoạch liền kề (mỗi ô 100m²) để làm chuồng trại chăn nuôi.

Đối chiếu với quy định tại Điều 3, Nghị định số 84/2007/NĐ-CP, nay là khoản 1, Điều 21. Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013, thì ông P không sử dụng đất ổn định và liên tục, không sử dụng vào mục đích đất ở, năm 2001 ông P vẫn nhận bồi thường về đất lúa quỹ 1, hạng 2. Đến 2005, một phần diện tích ông P chiếm dụng (237m²) dự án đất giãn dân bồi thường cho hộ bà G với số tiền là 9,334.482d, hộ bà G đã nhận đủ tiền và bàn giao diện tích đất trên

cho UBND xã Đ để sử dụng làm đất giãn dân, đồng thời ngay tại thời điểm sử dụng đất ông P đã lấn, chiếm hành lang bảo vệ an toàn Tỉnh lộ 310 (nay là Tỉnh lộ 309),

Năm 2008, thực hiện dự án xây dựng đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai, toàn bộ các thửa đất hộ ông P đã chiếm dụng sử dụng bị thu hồi để làm đường (tại Quyết định số 2042/Q Đ-UBND ngày 25/6/2008 của UBND tỉnh V). Ngày 17/02/2012, Tổ kiểm kê tài sản có trên diện tích hộ ông P đang chiếm dụng khoảng (535m²) để lập phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB, hộ ông P đã nhận đủ số tiền bồi thường, hỗ trợ về tài sản có trên đất là 99.984.150 đồng vào ngày 01/3/2012 (chi tiêu đã được nêu trong Văn bản số 1968/UBND-TD2 ngày 21/4/2015 của UBND tỉnh V). Việc hộ gia đình không được bồi thường về đất ở khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện Dự án Đường cao tốc Nội Bài-Lào Cai là đúng quy định của pháp luật đất đai.

Ông P tiếp tục có đơn đề nghị chuyển 380m² đến khu đất tái định cư thôn Bắc 1, xã Đ là không có cơ sở để xem xét, giải quyết. Vì thửa 401, 402 (BDQH) là diện tích thuộc quyền sử dụng của hộ bà Hoàng Thị H, Phạm Thị G và của dự án giãn dân khu đồng B.

Xét điều kiện hoàn cảnh khó khăn ông P không có nhà ở, Hội đồng xét cấp đất thổ cư xã Đ đã họp nhất trí làm các thủ tục trình cấp có thẩm quyền giao cho ông P 01 ô đất thổ cư diện tích 100m² tại khu vực N, thôn Bắc 1, xã Đ. Hộ ông P đã xây dựng nhà và ở tại ô đất được giao giãn dân. Về nghĩa vụ tài chính hộ ông P chưa thực hiện tại vị trí ô đất được giao khu vực N, thôn Bắc 1, xã Đ. Xét điều kiện hộ ông P, vận dụng cho phép hộ ông P nộp tiền sử dụng đất và thực hiện việc miễn, giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật (sau khi ông P có đơn đề nghị và được UBND xã Hàng Đan xác nhận).

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND huyện T, ông Nguyễn Minh T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện T trình bày:

Về hồ sơ vụ việc: Toàn bộ các nội dung liên quan đến vụ việc đã được Chủ tịch UBND huyện khai tại bản tự khai ngày 07/01/2020 và ngày 04/12/2020; UBND huyện đã báo cáo với TAND tỉnh tại Văn bản số 1231/UBND-TNMT ngày 29/4/2022, đồng thời toàn bộ hồ sơ hiện có đã được sao gửi cho TAND tỉnh trong quá trình làm việc.

Ông hoàn toàn nhất trí với nội dung các bản tự khai 07/01/2020 và ngày 04/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện và nội dung Văn bản số 1231/UBND-TNMT ngày 29/4/2022

Đối với các nội dung Tòa án yêu cầu bổ sung tại Văn bản số 48/2020/CV-TAVP ngày 16/12/2020 liên quan đến các quyết định do UBND huyện T ban hành ông xin trình bày như sau:

Tính hợp pháp, có căn cứ: Các quyết định trên đều hợp pháp và có căn cứ pháp luật để thực hiện. Số hiệu các văn bản căn cứ pháp lý đã thể hiện rõ ràng

trong từng quyết định; Các quyết định trên đều thuộc thẩm quyền ban hành của UBND cấp huyện. Trình tự thủ tục được thực hiện theo đúng quy định; Các quyết định được ban hành đúng thời hiệu, thời hạn; Các quyết định đều liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông P.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị H trình bày:

Bà được giao đất ruộng tại Đồng B có diện tích 144m² tại thửa 201.1 tờ bản đồ số 16. Khoảng năm 1990 bà đổi ruộng cho ông Phan Trung P thửa 201.1 diện tích 144m² ở ngoài Đồng B lấy ruộng của ông P 144m² ở giữa đồng. Khi đổi ruộng hai bên chỉ thỏa thuận miệng không có giấy tờ gì và cũng không báo cáo chính quyền địa phương.

Năm 2005 quy hoạch đất giãn dân bà không nhận tiền đền bù vì không đủ diện tích 144m². Năm 2008 thực hiện dự án cao tốc Nội Bài – Lào Cai, UBND tỉnh V đã trả đủ 144m² đất bằng tiền, anh Lý Hồng Khiêm con trai bà đã nhận tiền đầy đủ, gia đình bà đã giao đất của UBND tỉnh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phan Văn K (con bà Bà Phạm Thị G, bà G đã chết) khai như sau:

Anh là con của bà G. Năm 1986, 1989 theo Nghị quyết giao đất 10% kinh tế phụ gia đình, gia đình anh được giao 04 khẩu đất 10%, diện tích 288m² thuộc thửa 201.2 tờ bản đồ số 16 tại xứ Đồng B, thôn Đ gần đường tỉnh lộ 310 nay là tỉnh lộ 309. Khoảng năm 1991 gia đình anh đổi ruộng cho ông Phan Trung P, hai bên thỏa thuận đổi miệng không có giấy tờ gì. Sau khi đổi ruộng ông P sử dụng ruộng nhà anh còn gia đình anh sử dụng ruộng nhà ông P ở giữa Đồng Vân, ông P đào đất làm gạch và nuôi gà vịt.

Năm 2005 UBND xã quy hoạch giãn dân, gia đình anh lấy lại ruộng đổi cho ông P, nhận tiền đền bù và trả đất cho Hợp tác xã, giữa gia đình ông và gia đình ông P không xảy ra xích mích gì.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là UBND tỉnh V giữ nguyên quan điểm đối với yêu cầu của người khởi kiện. Các đương sự không xuất trình chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, của Thư ký Tòa án và của các đương sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh V đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trung P đối với yêu cầu hủy Quyết định số 2759/QĐ - UBND ngày 18/10/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh V “*V/v giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở Thôn Đ, xã Đ, huyện T*”. Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh V kiến nghị đến Chủ tịch UBND tỉnh V, Chủ tịch UBND huyện T và các cơ quan liên quan để chấn chỉnh các vi phạm đối với các vụ việc tương tự như: Không xử lý vi phạm hành chính khi ông P xây nhà trái phép, lấn chiếm đất công (UBND xã Đ, UBND huyện T); Việc giải quyết khiếu nại chậm trễ, kéo dài, vi phạm thời hiệu khiếu

nại (Chủ tịch UBND tỉnh V, Chủ tịch UBND huyện T); Việc quản lý hồ sơ còn nhiều tồn tại, thiếu sót, chậm cung cấp chứng cứ dẫn đến vụ án bị kéo dài (UBND huyện T); khi tham gia tố tụng hành chính chưa thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính. Cụ thể không trình bày hoặc trình bày chưa đầy đủ về nội dung của quyết định hành chính bị khiếu kiện và các quyết định hành chính liên quan, chậm trả lời các công văn yêu cầu của Tòa án (Chủ tịch UBND huyện T, UBND huyện T).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên.

[1] Về tố tụng: Người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND huyện T, UBND huyện T vắng mặt (đều có đơn xin xử vắng mặt). Đối với bà Hoàng Thị H, anh Phan Văn K (con bà Phạm Thị G) Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt những người này theo Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì thủ tục nhận đơn của ông P tại Tòa án nhân dân tỉnh V như sau:

Tại Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện số 31/TB-TA ngày 10/7/2018 của TAND tỉnh V có nội dung: TAND tỉnh V đã nhận được đơn khởi kiện của ông ghi ngày 20/6/2018 qua đường dịch vụ bưu chính ngày 28/6/2018. Nội dung đơn ông yêu cầu Tòa án ra quyết định kỷ luật, buộc thôi việc ông Vũ Chí Giang; buộc UBND huyện T, UBND tỉnh V trao trả GCNQSDĐ diện tích 476,2m² cho gia đình ông; buộc UBND huyện T bồi thường thiệt hại, khắc phục quyền và lợi ích hợp pháp cho gia đình ông.

TAND tỉnh V đã căn cứ khoản 1 Điều 118, khoản 3 Điều 121 và Điều 122 Luật tố tụng hành chính để yêu cầu ông P sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; Thông báo này đã được tổng đạt cho ông P ngày 20/7/2018.

Ngày 25/7/2018 ông P lại nộp đơn khởi kiện đến TAND tỉnh V nhưng đơn khởi kiện vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung (Đơn khởi kiện vẫn ghi ngày 20/6/2018). Việc nộp đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo có lập biên bản theo quy định.

Ngày 31/7/2018 TAND tỉnh V có thông báo số 18/2018/TB-TA trả lại đơn khởi kiện cho ông Phan Trung P do ông P không sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo thông báo sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện của Tòa án (Việc gửi thông báo được gửi theo đường bưu chính, số thứ tự 1935 ngày 31/7/2018).

Theo Thông báo số 36/CV-TA ngày 10/9/2018 của TAND tỉnh V thì ngày 05/9/2018 TAND tỉnh V đã nhận được đơn khởi kiện của ông P ghi ngày 20/6/2019 với nội dung không xem xét đơn khởi kiện của ông P vì ông P không thực hiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện theo thông báo ngày 31/7/2018 của Tòa án (Việc gửi thông báo được gửi theo đường bưu chính, số thứ tự 2326 ngày

10 tháng 9 năm 2018). Tuy nhiên đơn này ông P đã sửa đổi, bổ sung. Như vậy đơn của ông P gửi đến Tòa trong thời hiệu khởi kiện. Do Tòa án không xem xét, thụ lý nên ông P có gửi đơn đến các cơ quan khác, sau đó lại tiếp tục gửi đơn đến Tòa án và sửa đổi, bổ sung theo hướng dẫn của Tòa án nên đến ngày 28 tháng 6 năm 2019 Tòa án mới thụ lý vụ án.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông P khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh V *“Giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh V”*. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính thì thẩm quyền giải quyết thuộc thẩm quyền của TAND tỉnh V.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông P thấy rằng:

Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 6 năm 2019 ông P yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 2759 của Chủ tịch UBND tỉnh V. Nhận thấy Quyết định 2759 là quyết định giải quyết khiếu nại lần 2, vì vậy Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ để xem xét Quyết định số 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 của UBND huyện T (Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu).

Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền giải quyết khiếu nại của ông Phan Trung P:

Ông P khiếu nại với nội dung *“Gia đình có 535m² đất ở xứ Đồng B, xã Đ huyện T; thực hiện Dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, Nhà nước đã thu hồi, bồi thường cho gia đình ông 153,8 m². Nay ông P đề nghị nhà nước trả đủ cho gia đình 380m² đất thổ cư còn lại bị xâm lấn khi thực hiện Dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai”*.

Sau khi nhận được khiếu nại của ông P, Thanh tra huyện T thông nhất với ông P tại Biên bản chốt nội dung khiếu nại của ông P ngày 27/8/2015. Căn cứ Luật khiếu nại, Chủ tịch UBND huyện T đã tiến hành giải quyết khiếu nại của ông P và đã ban hành Quyết định 3156/QĐ-UBND ngày 09/12/2015 với nội dung: *“Việc ông Phan Trung P khiếu nại trả đủ cho gia đình ông 380 m² đất thổ cư còn lại bị xâm lấn khi thực hiện Dự án đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai là không có cơ sở xem xét giải quyết”*.

Không đồng ý với K quả giải quyết của Chủ tịch UBND huyện T, ông P tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh V.

Ngày 12/12/2015 Chủ tịch UBND tỉnh V nhận được đơn của ông P, Chủ tịch UBND tỉnh V đã giao cho Thanh tra tỉnh V kiểm tra, rà soát nội dung đơn của ông P.

Ngày 20/01/2017 Thanh tra tỉnh có báo cáo số 04/BC-TTr báo cáo K quả xác minh nội dung khiếu nại và báo cáo số 28/BC-TTr báo cáo K quả xác minh bổ sung nội dung khiếu nại. Ngày 16/8/2017 Thanh tra tỉnh có báo cáo số 59/BC/TTr báo cáo K quả thanh tra, rà soát nội dung khiếu nại về đất của ông Phan Trung P gửi Chủ tịch UBND tỉnh V. Trên cơ sở báo cáo Chủ tịch UBND

tỉnh V đã ban hành Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh V “*Giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh V*” với nội dung: “(i). *Nội dung ông Phan Trung P kiến nghị Nhà nước thu hồi và trả đủ cho gia đình 376,2m² đất tại xứ Đồng B, xã Đ, huyện T là không có căn cứ pháp luật để giải quyết.* (ii) *Giao cho UBND huyện T chủ trì, phối hợp với Sở TN&MT, Ban quản lý công trình giao thông 2- Sở Giao thông vận tải, UBND xã Đ rà soát lại toàn bộ hồ sơ về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng đối với hộ ông Phan Trung P, hộ bà Hoàng Thị H và hộ bà Lê Thị KH liên quan đến dự án đường Cao tốc Nội Bài- Lào Cai để lập hồ sơ trình cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng cho các hộ dân theo đúng quy định của pháp luật hiện hành...*”

Như vậy nội dung khiếu nại của ông P được Chủ tịch UBND huyện T, Chủ tịch UBND tỉnh V giải quyết đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định.

Xem xét về thời hiệu giải quyết khiếu nại của ông P, Hội đồng xét xử thấy rằng Chủ tịch UBND huyện T, Chủ tịch UBND tỉnh V đều không thực hiện đúng quy định của Luật khiếu nại, cụ thể Điều 28 Luật khiếu nại quy định: “*Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý.*

Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.”

Tuy nhiên tính từ ngày Thanh tra huyện T chốt nội dung khiếu nại là ngày 27/8/2015, nhưng đến 09/12/2015 Chủ tịch UBND huyện T mới ban hành quyết định 3156 giải quyết khiếu nại của ông P là quá thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu

Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, ngày 12/5/2015 UBND tỉnh V nhận được đơn khiếu nại của ông P nhưng đến 18 tháng 10 năm 2017 mới ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 là trái với quy định tại Điều 37 luật khiếu nại.

“*Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý.*

Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý.”

Khi làm đơn khiếu nại Quyết định 3156/QĐ-UBND ông P không làm đơn khiếu nại mà ghi là “Đơn kiến nghị”, nhưng Chủ tịch UBND tỉnh V không nhận diện đúng nội dung đơn của ông P (Thực chất ông P khiếu nại Quyết định 3156

của Chủ tịch UBND huyện T). Sau khi chốt nội dung khiếu nại, Thanh tra tỉnh V đã thụ lý giải quyết khiếu nại của ông P nhưng Chủ tịch UBND tỉnh V không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 mà ban hành “*Quyết định giải quyết đơn...*” là không đúng với tiêu đề quy định tại Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31 tháng 10 năm 2013 của Thanh tra Chính Phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính, tiêu đề ghi đúng phải là “*Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2*”. Mặc dù vậy Quyết định đã thực hiện đúng mẫu số 16/KN của Thông tư; Về thẩm quyền: Chủ tịch UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2759 là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 21 của Luật khiếu nại.

[5] *Xét nội dung giải quyết khiếu nại của ông P tại Quyết định số 2759 và Quyết định 3156 thấy rằng:*

Ông Phan Trung P cho rằng gia đình ông có 535m² đất thổ cư tại xứ Đồng B, xã Đ, gia đình ông làm nhà trên đất ông cha từ năm 1990. Năm 2012 thì 535m² đất ở của gia đình ông nằm trong chỉ giới xin thu hồi xây dựng đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai, UBND huyện T thu hồi 58,8m² đất nuôi trồng thủy sản “ký hiệu TSN”, UBND xã Đ trả 100m² đất tại khu tái định cư, khu N, thôn Bắc 1. Diện tích còn lại là 376,2m² bị Nhà nước xâm lấn khi làm đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai. Nay ông yêu cầu Tòa án hủy Quyết định 2759.

Chứng cứ để ông khẳng định 535m² đất gia đình ông bị Nhà nước thu hồi (Nhưng không ban hành quyết định thu hồi) là Bản đồ địa chính xin thu hồi và giao đất dự án đường Cao tốc Nội Bài – Lào Cai đoạn từ km 33+849, km 35+160 thuộc xã Đ, huyện T tỉnh V do Trung tâm đo đạc và bản đồ tỉnh V đo vẽ tháng 4 năm 2008, theo bản đồ thì diện tích đất nhà ông thể hiện rất rõ là đất ở nông thôn (ONT) tại thửa 399 = 120m². Các thửa 307, 400, 401 cũng là đất ở nông thôn nhưng trong bản đồ không ghi (ONT).

Căn cứ khoản 2 Điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định về bổ sung việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai thì: “*đất do lấn, chiếm và đất được giao, được cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 01/7/2004 trở về sau thì người có hành vi lấn, chiếm hoặc được giao đất, thuê đất không đúng thẩm quyền không được bồi thường về đất khi thu hồi đất*”.

Như vậy hộ gia đình ông không nằm trong khoản 2 điều 45 Nghị định 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ vì ông đã ở trên đất từ trước năm 1990 cho đến năm 2014 nên diện tích 376,2 m² đất vẫn thuộc của gia đình ông.

Ngoài ra ông còn cho rằng đất của gia đình ông là đất ở, gia đình ông bị thu hồi đất nhiều lần, trước đây Nhà nước ra quyết định thu hồi là đất ở.

Theo yêu cầu khởi kiện của ông P, Tòa án đã yêu cầu Chủ tịch UBND tỉnh V và các bên liên quan cung cấp chứng cứ và tiến hành xác minh thu thập chứng cứ thì thấy:

Về nguồn gốc diện tích đất 535m² ở tại xứ Đồng B, ông P yêu cầu được bồi thường đầy đủ cho gia đình ông tại các thửa 399, 400, 401, 402, một phần thửa đất số 307.

Mặc dù ông P khiếu kiện cho rằng diện tích 535m² gia đình ông bị thu hồi là đất thổ cư, nhưng khi giải quyết khiếu nại Chủ tịch UBND huyện T, Chủ tịch UBND tỉnh V đã rà soát tất cả các quyết định thu hồi đất của UBND huyện T, UBND tỉnh V qua các thời kỳ, không có quyết định nào về việc thu hồi đất của ông P là đất thổ cư. Ông P cũng không xuất trình bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đất của gia đình ông là đất ở ngoài Bản đồ địa chính nêu trên; ông không khiếu nại hay khởi kiện gì về các quyết định thu hồi đất qua các thời kỳ, không khiếu kiện về số tiền bồi thường, hỗ trợ đã nhận.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tại UBND xã Đ, K quả xác minh phù hợp hồ sơ giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện T, Chủ tịch UBND tỉnh V và các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập được, cụ thể:

- Về đất thổ cư 374 m²(trong đó 300 m² đất ở, 74 m² đất vườn) tại thửa số 418, tờ bản đồ số 4, đất tại thôn Đ - Đ. Ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại quyết định số 1060/QĐ- UBND ngày 12/12/2002, số GCNQSDĐ W170025 số vào sổ 01479 do UBND huyện T cấp.

- Về đất ruộng ông P có các thửa ruộng như sau:

Xứ Đồng B diện tích 288m² thửa 279 tờ bản đồ 16 (đất 10% kinh tế phụ gia đình); Xứ Đồng Vân diện tích 288m² thửa 230.5 tờ bản đồ 18 (đất quỹ 1); Xứ đồng Cầu Đè có 02 thửa (thửa 214.0 diện tích 408m² và thửa 213.1 diện tích 366m²) đều ở tờ bản đồ số 24 (đất quỹ 1); Xứ đồng Cầu Mưa diện tích 504m² thửa 185.1 tờ bản đồ 17 (đất quỹ 1); Xứ Đồng Sỏi diện tích 480m² thửa 77.1 tờ bản đồ 01(đất quỹ 2); Xứ Đồng Chám diện tích 264m² thửa 319 tờ bản đồ 26 (đất quỹ 2); Xứ Đồng Ma Tè diện tích 74m² (đất quỹ 2).

Năm 1989 - 1999 UBND xã Đ giao đất 10% kinh tế phụ gia đình cho các hộ, trong đó:

Hộ ông Phan Trung P vợ là Lê Thị H (tên thường gọi là KH) được (cấp cho 4 khẩu) tại thửa số 279 tờ bản đồ số 16 (bản đồ 299) diện tích 288m² tại xứ Đồng B xã Đ (ruộng giữa Đồng B không liền với đường tỉnh lộ). Tại sổ mục kê được ghi từ năm 1990 - 1992 tại trang 6 thể hiện hộ ông Phan Trung P có diện tích 288m² thửa 279 tờ bản đồ số 16 và sổ địa chính được ghi từ năm 1990 - 1992 tại trang 75 thể hiện có diện tích 288m² thửa 279 tờ bản đồ số 16. Gia đình ông P chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ruộng (GCNQSDĐ). Nhà nước có chủ trương làm hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho dân kể cả đất thổ cư và đất nông nghiệp. UBND xã đã triển khai thông báo đến các hộ dân có nhu cầu ra đăng ký để làm hồ sơ cấp giấy nhưng hộ ông P không làm đơn đề nghị nên xã chưa làm hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho ông P. Tại thời điểm này Ủy ban nhân dân xã đã làm hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho các hộ dân đạt 80%.

Ông Phan Văn H (anh trai ruột ông Phan Trung P) cho ông P thừa đất số 278 diện tích thực tế là $58,8\text{m}^2$ đất tại xứ Đồng B (ruộng giữa Đồng B không liền với đường tỉnh lộ). Tại sổ mục kê được ghi từ năm 1990 - 1992 tại trang 6 thể hiện hộ ông Phan Trung P có diện tích 36m^2 thừa đất 278 tờ bản đồ số 16 và sổ địa chính kê được ghi từ năm 1990 - 1992 tại trang 47 thể hiện có diện tích 36m^2 thừa 278 tờ bản đồ số 16. Thừa đất ruộng này ông P cũng chưa làm thủ tục chuyển đổi và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Hộ bà Hoàng Thị H được cấp 144m^2 tại sổ mục kê được ghi từ năm 1990 - 1992 tại trang 4 thể hiện diện tích 144m^2 thừa đất 201.1 tờ bản đồ số 16 và sổ địa chính kê được ghi từ năm 1990 - 1992 tại trang 62 thể hiện có diện tích 144m^2 thừa 201.1 tờ bản đồ số 16.

Hộ bà Phạm Thị G được cấp 288m^2 , tại sổ mục kê được ghi từ năm 1990 - 1992 tại trang 4 thể hiện diện tích 288m^2 thừa đất 201.2 tờ bản đồ số 16 và sổ địa chính kê được ghi từ năm 1990 - 1992 tại trang 20 thể hiện có diện tích 288m^2 thừa 201.2 tờ bản đồ số 16.

Trong quá trình sử dụng ông P đã tự ý đổi 144m^2 đất ruộng tại thửa 279 tại xứ Đồng B (ruộng giữa Đồng B không liền với đường tỉnh lộ) lấy diện tích 144m^2 của bà Hoàng Thị H tại thửa số 201.1 xứ Đồng B (đất ruộng ngoài mặt đường liền kề với tỉnh lộ 310). Hai bên không làm thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất theo quy định mà hai bên tự đổi bằng miệng.

Cùng thời gian này ông P cũng tự đổi 288m^2 đất ruộng tại thửa 230.5 tại xứ Đồng Vân với hộ bà Phạm Thị G (con trai Phan Văn K) tại thửa số 201.2 diện tích 288m^2 tại xứ Đồng B (liền kề với thửa 201.1). Hai bên không làm thủ tục chuyển đổi quyền sử dụng đất theo quy định mà hai bên tự đổi bằng miệng.

Sau đó ông P đã xây dựng quán bán hàng và một số công trình phụ, hệ thống chuồng trại để chăn nuôi trên diện tích đất ruộng đã đổi cho hai hộ trên. Bên cạnh đó ông P còn lấn chiếm một phần hành lang tỉnh lộ 310 và hành lang kênh 1B.

Ông P nộp thuế đất nông nghiệp và dịch vụ bảo vệ sản xuất, dịch vụ thủy nông cho thửa đất số 279 diện tích 288m^2 được trưởng thôn thu theo danh sách do Ủy ban xã lập chứ không phải nộp tiền thuế đất nông nghiệp cho thửa ruộng đã đổi cho bà H 201.1 và bà G 201.2 (bà H và bà G cũng nộp thuế đất nông nghiệp theo thửa đất và diện tích của xã đã giao cho các hộ).

Trong quá trình sử dụng đất từ năm 1990 đến năm 2001 UBND tỉnh V ra Quyết định thu hồi đất số 502/QĐ-UBND ngày 22/3/2001, về việc thu hồi đất và giao đất cho UBND huyện T cải tạo nâng cấp tỉnh lộ 310.

Theo danh sách các hộ thuộc diện đền bù công trình tỉnh lộ 310 từ Đ đến Tam Quan, trong đó có hộ ông Phan Văn P (Phan Trung P) được đền bù 51m^2 đất tại xứ đồng B (phần đất đổi cho bà Hoàng Thị H diện tích 144m^2 nhưng chỉ thu hồi 51m^2), số tiền đền bù 1.025.442 đồng (ông P đã nhận tiền đền bù nhưng không có giấy tờ thể hiện).

Năm 2008 Ủy ban nhân dân tỉnh V có quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 25/6/2008, về việc thu hồi đất để xây dựng đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Gia đình bà H đã được Ban quản lý dự án đền bù đủ diện tích 144m² cho bà H nên bà H không có ý kiến gì. Vì vậy việc ông P vẫn chiếm giữ diện tích đất ruộng đã đổi cho bà H là không đúng.

Từ năm 2001 đến năm 2005 UBND xã Đ có quy hoạch giao đất ở giãn dân khu Đồng B - Thôn Đ - Đ theo Quyết định số 1540/QĐ-UBND ngày 28/11/2005 của UBND huyện T phê duyệt phương án đền bù giải phóng mặt bằng xây dựng khu dân cư nông thôn xã Đ có 39 hộ, trong đó có hộ ông Nguyễn Văn K (con bà Phạm Thị G) được đền bù 237m² tại xứ Đồng B thửa 201.2 (đất đổi cho ông P), số tiền đền bù 9.334.482 đồng; hộ bà Hoàng Thị H được đền bù 94m² tại xứ Đồng B thửa 201.1 (đất đổi cho ông P), số tiền đền bù 3.702.284 đồng. Trong danh sách đền bù không có tên ông Phan Trung P (Phan Văn P). Hộ bà G và hộ bà đã nhận tiền đền bù, ông P không có ý kiến gì. Thời điểm này UBND xã đã mời ba hộ là bà Phạm Thị G, bà Hoàng Thị H và ông Phan Trung P đến để làm việc, tại buổi làm việc ông P bỏ về nên hội nghị không thành. Hộ bà G đã nhận tiền đền bù, hộ bà H không nhận tiền đền bù do diện tích không đủ theo diện tích được giao 144m² đến năm 2008 có dự án đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai thì bà H đã nhận đủ tiền bồi thường giải phóng mặt bằng đủ 144m². Bà G và bà H đã trả đất cho Ủy ban nhân dân xã để quy hoạch đất giãn dân nhưng ông P không trả vẫn chiếm dụng. Theo bản đồ quy hoạch đất giãn dân Đồng B được chia thành 45 ô đất, đã giao cho 43 hộ/43 ô còn lại hai ô là 44 và 45 (riêng ô số 43 đã giao cho ông Phan Kiên nhưng ô P vẫn chiếm dụng một phần nên ông Kiên không xây dựng nhà ở được). Do ông P chiếm dụng một phần ô đất 43 và ô 44, 45 đã đào ao nên UBND xã không đổ được mặt bằng và xây rãnh thoát nước nên không đưa ra xét duyệt giao cho hộ nào.

Việc ông P chiếm dụng ba ô đất trên UBND đã mời ông P nhiều lần đến Ủy ban làm việc nhưng ông P không hợp tác. Toàn bộ vi phạm về lấn chiếm đất đai của ông P, UBND xã đều không lập biên bản vi phạm hành chính và xử phạt.

Năm 2008 UBND tỉnh V có quyết định số 2042/QĐ-UBND ngày 25/6/2008, về việc thu hồi đất để xây dựng đường Cao tốc Nội Bài - Lào Cai. Khi thu hồi đất để thực hiện dự án đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai, Nhà nước đã lập bản đồ quy hoạch mới để thu hồi 03 ô đất trên là số 43, 44, 45 thành thửa số 399, 400, 401, 307 và thửa 402 (đất ông Hiệp cho ông P) tờ bản đồ quy hoạch. Ông P đã lấn chiếm các thửa 399, 400, 401 và một phần ô số 307.

Năm 2012 do ông P vẫn tiếp tục lấn chiếm và giữ các thửa 399, 400, 401 và một phần ô số 307 không chịu di dời bàn giao mặt bằng nên Ban quản lý dự án đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai kết hợp với UBND tỉnh đã tuyên truyền vận động ông P nhận tiền hỗ trợ về hoa màu trên đất và di dời tài sản với số tiền 99.984.150 đồng. Đồng thời ưu tiên cho ông P mua 01 ô đất giãn dân tại khu tái định cư N, xã Đ (hiện nay ông P vẫn chưa thanh toán tiền ô đất giãn dân). Sau

khi nhận tiền ông P đã thu dọn và giao mặt bằng cho Ban quản lý dự án đường cao tốc Nội Bài – Lào Cai, ông lên xây dựng nhà ở tại khu đất tái định cư.

Khoảng 01 năm sau đó ông P có đơn kiến nghị về việc đền bù đất đường cao tốc đã được các cấp xem xét giải quyết và trả lời nhưng ông P không đồng ý nên đã có khiếu kiện kéo dài.

Toàn bộ diện tích đất nông nghiệp kể cả phần đất ông lấn chiếm và xây dựng nhà đã bị thu hồi và đang khiếu kiện chưa bao giờ được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông P có lời khai bổ sung cho rằng 535m² đất gia đình ông bị Nhà nước thu hồi là đất thổ cư của gia đình ông là căn cứ vào Bản đồ địa chính xin thu hồi và giao đất dự án đường Cao tốc Nội Bài – Lào Cai đoạn từ km 33+849, km 35+160 thuộc xã Đ, huyện T tỉnh V do Trung tâm đo đạc và bản đồ tỉnh V đo vẽ tháng 4 năm 2008 thì diện tích đất nhà ông thể hiện rất rõ là đất ở nông thôn (ONT) tại thửa 399 = 120m². Các thửa 307, 400, 401 cũng là đất ở nông thôn nhưng trong bản đồ không ghi (ONT)

Tuy nhiên toàn bộ khu đất này đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt chuyển đổi mục đích từ đất sản xuất nông nghiệp sang đất ở để giao cho các hộ gia đình và cá nhân từ 2005, nên bản đồ địa chính thể hiện loại đất đã chuyển mục đích sử dụng đất, không có nghĩa là Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất cho ông P.

Ông P cho rằng diện tích 376,2m² đất ở xứ Đồng B, xã Đ huyện T ông sử dụng đã được nhà nước GPMB để thực hiện dự án Đường Nội Bài – Lao Cai là đất khai Hoang của gia đình ông do ông cha để lại và trên thực tế đất này ông đã xây dựng các công trình, nhà ở để sử dụng ổn định do đó việc nhà nước thu hồi đất, giải phóng mặt bằng diện tích đất này thì phải bồi thường cho ông bằng đất ở tái định cư, quá trình giải quyết ông chỉ trình bày miệng mà không đưa ra bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào chứng minh. Theo tài liệu do người bị kiện xuất trình và K quả xác minh của Tòa án thì diện tích 376,2m² đất ở xứ Đồng B, xã Đ, huyện T nhà nước đã giải phóng mặt bằng đối với ông Phan Trung P để thực hiện dự án Đường Nội Bài – Lao Cai hoàn toàn là do ông P lấn chiếm đất công do nhà nước quản lý gồm các diện tích cụ thể:

+ Diện tích 156,2m² đất ông P lấn, chiếm thuộc đất hành lang giao thông của Đường 310; thời điểm thu hồi đất dự án Đường Nội Bài –Lào Cai thuộc đất hành lang giao Đường TL 309 và được thể hiện là một phần thửa số 307 - Bản đồ QH thu hồi đất dự án Đường Nội Bài –Lào Cai).

+ Diện tích 237m² đất ông P lấn, chiếm thuộc đất công do nhà nước quản lý đã được nhà nước quy hoạch làm đất ở của dự án Đất giãn dân xã Đ năm 2005 được thể hiện là các ô đất số 44 và 45 theo bản đồ Quy hoạch đất giãn dân 2005 của xã Đ (Chính là các thửa số 400, 401 và một phần nhỏ thửa 307– BD QH thu hồi đất dự án Đường Nội Bài –Lào Cai) có lịch sử nguồn gốc là đất nông nghiệp quỹ I của chủ hộ bà Phạm Thị G (con trai là Phan Văn K) đã được nhà nước thu

hồi đất, bồi thường GPMB để thực hiện dự án đất giãn dân xã Đ năm 2005 tại Quyết định số 1367/QĐ-UB ngày 24/10/2005 của UBND huyện T V/v thu hồi và giao đất cho hộ gia đình cá nhân làm nhà ở tại xã Đ, huyện T và Quyết định số 1540/QĐ-UB ngày 28/11/2005 của UBND huyện T V/v duyệt phương án đền bù GPMB xây dựng khu dân cư nông thôn xã Đ, huyện T thể hiện diện tích đất thu hồi là 237m² đất nông nghiệp quỹ I, hạng 2, tại thửa số 201.2, tờ bản đồ 16, bản đồ 299 xã Đ. Như vậy toàn bộ diện tích 376,2m² đất ở xứ Đồng B, xã Đ huyện T ông P đã lấn chiếm không có khoảng trống thời gian nào là đất Hoang hóa để cho gia đình ông P khai Hoang và do ông cha để lại. Tại hồ sơ quản lý đất đai của nhà nước không có bất kỳ tài liệu nào thể hiện việc gia đình ông P kê khai sử dụng đất khai Hoang trên phần diện tích đất này.

Về việc UBND huyện T có Quyết định số 7626/QĐ-UBND ngày 28/9/2012 về việc giao đất giãn dân cho hộ ông Phan Trung P 01 ô đất ở tại khu TĐC Đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai, thôn Bắc 1 xã Đ, huyện T là do khi nhà nước vận động ông Phan Trung P để giải phóng mặt bằng diện tích 376,6m² đất ông P lấn chiếm để thực hiện dự án Đường Nội Bài – Lào Cai; mặc dù ông P đã nhận đủ số tiền nhà nước bồi thường, hỗ trợ nhưng sau đó lại trây ỳ, không tự giác giao mặt bằng đất cho nhà nước với lý do ông không có chỗ ở; do đó nhà nước đã giao cho ông P 01 ô đất giãn dân là để tạo điều kiện cho ông P có nơi ở để đảm bảo an sinh và để ông P chấp hành giải phóng mặt bằng và giao mặt bằng đất cho nhà nước thực hiện dự án Đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai. Hoàn toàn không có tài liệu, bằng chứng gì về việc nhà nước giao đất tái định cư cho ông Phan Trung P. Không có mối liên hệ gì về việc nhà nước đã giao một phần đất tái định cư cho ông P còn một phần chưa trả cho ông nên ông P khiếu kiện để được nhà nước trả nốt phần đất tái định cư còn lại.

Như vậy căn cứ quy định quy định tại khoản 2 Điều 45 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP quy định về bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và giải quyết khiếu kiện đất đai quy định: “2. *Đất do lấn, chiếm và đất được giao, được cho thuê không đúng thẩm quyền kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 trở về sau thì người có hành vi lấn, chiếm hoặc được giao đất, thuê đất không đúng thẩm quyền không được bồi thường về đất khi thu hồi đất*”.

Quá trình giải quyết vụ án bà Phạm Thị G đã chết đầu năm 2019; theo tài liệu có trong hồ sơ thì anh Phan Văn K (con bà G) và bà H đã nhận tiền bồi thường trong giai đoạn Nhà nước thu hồi đất và không có ý kiến gì. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy lời khai của bà H và anh K, bà H và anh K đều không có yêu cầu gì.

Về nội dung ông P cho rằng đất gia đình khai Hng, gia đình ông sử dụng ổn định từ trước 1990, Nhà nước lấy đất thì phải trả cho ông chỗ khác. Nhà nước mới trả 100m², ông yêu cầu Nhà nước trả đủ đất cho ông. Tuy nhiên các tài liệu

trong hồ sơ đã chứng minh đất ông P sử dụng không phải là đất khai Hng mà là đất nông nghiệp Nhà nước đã giao cho hộ bà H, bà G, sau đó ông đã đổi cho bà H, bà G và ông P lấn chiếm hành lang giao thông. Quá trình sử dụng ông P có xây một một lán bán hàng khoảng 18m², ông P không sử dụng đất ổn định, liên tục, theo lý lịch thì ông P đã có thời gian đi chấp hành hình phạt tù vì vi phạm pháp luật. Cho đến nay không có quy định nào của pháp luật quy định công dân làm nhà trên đất nông nghiệp và đất lấn chiếm Nhà nước phải công nhận là đất ở. Vì vậy lời khai này của ông P không có căn cứ để chấp nhận.

Với nhận xét trên Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.

Trong vụ án này Tòa án nhân dân tỉnh V thấy rằng:

Công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai của UBND xã Đ, UBND huyện T còn nhiều thiếu sót như: Không yêu cầu công dân thực hiện đúng trình tự, thủ tục cho tặng đất nông nghiệp của ông Phan Văn H là anh trai ông P cho, tặng ông P 36m² đất nông nghiệp tại thửa đất số 278- BĐĐC mà chỉ theo dõi trên sổ mục kê theo dõi biến động đất đai và chỉnh lý trên bản đồ của UBND xã; việc quy chủ, kiểm đếm đất đai để trình cấp thẩm quyền ban hành Quyết định số 502/QĐ-UB ngày 22/3/2001 của UBND tỉnh V về việc thu hồi và giao đất cho UBND huyện T cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 310 và Quyết định số 1235/QĐ-CT ngày 06/7/2000 của UBND tỉnh V về việc phê duyệt phương án đền bù GPMB xây dựng tỉnh lộ 310 thu hồi và phê duyệt bồi thường, hỗ trợ nhằm cho ông Phan Trung P diện tích 51m² đất nông nghiệp vào phần diện tích hành lang giao thông đường 310; tuy UBND xã Đ đã phát hiện sai sót, không chi trả tiền bồi thường cho hộ ông P, tiến hành san lấp mặt bằng đất để quản lý hành lang giao thông nhưng không làm thủ tục trình cấp thẩm quyền để đính chính sai sót nói trên. Do đã hết thời hiệu xử lý về xử lý vi phạm hành chính của tập thể, cá nhân liên quan.

Không xử lý vi phạm hành chính khi gia đình ông P xây nhà trái phép, lấn chiếm đất công.

Về giải quyết khiếu nại chậm trễ, kéo dài, vi phạm thời hiệu theo Luật khiếu nại (Chủ tịch UBND tỉnh V; Chủ tịch UBND huyện T).

Việc quản lý hồ sơ, tài liệu còn nhiều tồn tại, thiếu sót; chậm cung cấp chứng cứ hoặc không cung cấp không đủ tài liệu, chứng cứ cho Tòa án dẫn đến vụ án bị kéo dài (UBND huyện T).

Khi tham gia tố tụng hành chính chưa thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính (Chủ tịch UBND huyện T, UBND huyện T), cụ thể: Chậm trình bày và trình bày không đầy đủ về phần nội dung của quyết định hành chính bị khiếu kiện; chậm trả lời các Công văn yêu cầu của Tòa án...

Từ những tồn tại, hạn chế, thiếu sót nêu trên Tòa án nhân dân tỉnh V kiến nghị với Chủ tịch UBND huyện T, UBND huyện T, Chủ tịch UBND tỉnh V; UBND tỉnh V; UBND xã Đ cần chấn chỉnh công tác quản lý Nhà nước trong

lĩnh vực đất đai tại địa phương; chấn chỉnh việc giải quyết khiếu nại về thời hạn và công tác quản lý lưu trữ hồ sơ giải quyết khiếu nại về đất đai.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm Điều 38, 39, 42 Luật đất đai 2003; Điều 18, 21, 29, 30, 31, 33 Luật Khiếu nại; Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Trung P về việc yêu cầu hủy Quyết định số 2759/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh V “*Giải quyết đơn của ông Phan Trung P ở thôn Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh V*”

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phan Trung P phải chịu 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005933 ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh V.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh V;
- Cục THADS tỉnh V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hoàng Thanh